

# TA VỀ

“*Ta về cúi mái đầu sương điểm*”

Tô Thùy Yên

Tường trình diện đi “tù cải tạo” vào ngày cuối cùng, ngày 15 tháng 6 năm 1975, tại trường Tabert. Đến ngày 1 tháng 6 năm 1985, chàng và gần 20 người bạn tù được thả tự do, chỉ thiếu 15 ngày là tròn mười năm lưu đầy trên miền thượng du Bắc Việt.

Hôm nay ta về, ta về mái nhà xưa, nhưng mái nhà còn như xưa nữa hay không? Có những anh em đã về trước, mà không còn nhà. Đứng ngoài đường, dưới tàn cây, mở to mắt nhìn vào nhà mà thấy vợ mình không còn là của mình nữa, đang cười nói với người xa lạ, có phải là kẻ thù của mình không? Hãy nhìn vào sự thật, hãy chấp nhận cảnh ngộ phũ phàng, hãy nghĩ đến thân phận của kẻ chiến bại, hãy nhớ kẻ thù của mình nay là kẻ chiến thắng, không phải kẻ chiến thắng độ lượng, hài hoà, tuy cùng là giòng máu Việt, cùng ông tổ Hùng Vương, nhưng kẻ chiến thắng mưu mô, nhỏ nhen, học theo chính sách dê hèn của một chủ nghĩa đã lỗi thời. Kẻ chiến bại, nên tự trách mình, không thể oán giận vợ, khi người đàn bà chân yếu tay mềm, đơn độc chống chọi với hoàn cảnh khắc nghiệt bủa vây không lối thoát, phải ngã vào vòng tay kẻ thù để tìm lối sống cho chính mình và các con. Hãy tự trách mình, cắn răng và nhẫn nhục để tìm lấy lẽ sống, an ủi thân phận hẩm hiu của mình.

Trong những nghịch cảnh ấy, sáng chói là trường hợp của vợ tù bươn chải, nhẫn nại, khổ cực hai sương một nắng nuôi con, chờ chồng trong vô vọng, cho dù năm tháng lạnh lùng trôi qua. Những tấm gương hy sinh, tận tụy, chung thủy một lòng vô cùng khâm phục ấy là những trang sử vẻ vang trong một khúc quanh lịch sử tàn khốc của đất nước. Tường may mắn có một gia đình như thế, một người vợ và những đứa con tròn vẹn trong con lóc của thời cuộc.

Nay chàng đã về, để nhớ để ôn lại 10 năm vợ con chàng đã sống trong ngậm ngùi, đau đớn, thiếu thốn ra sao!

*Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ*

*Nghe tàn cát bụi tháng năm bay.*

Tô Thùy Yên

Khi đi tù cải tạo, chàng chưa kịp lãnh lương Thiếu tá, vợ chàng sinh đứa con trai Út vào ngày 15 tháng 4 năm 1975.

Năm 1969, vợ chàng sinh đứa con gái đầu lòng, phải nằm nhà thương Grall mất mấy tháng, một chân bị yếu, những mạch máu đưa máu lên xuống không đều. Bác sĩ Giám Đốc cho biết tạm ngưng sinh sản. Đến năm 1973, ông cho phép sinh đứa thứ hai thì sinh được đứa con trai và không phải nằm bệnh viện. Rồi bất ngờ có bầu đứa thứ ba, sinh Út vào năm 1975. Mãi mười năm sau bố con mới được gặp nhau, con lên thăm bố và bé Cún về nhà.

Vợ con chàng có cái may mắn là sống cùng với bố, chị và hai cháu con bà chị cả đã mất sớm. Hai cháu gái đã trưởng thành. Bà chị là giáo sư trung học còn độc thân nên coi các con của chàng như con của chính bà. Chàng cũng thấy yên lòng khi vắng nhà. Ngoài ra còn có bà vú, người nuôi vợ chàng từ nhỏ, bà này phụ giúp săn sóc các con của chàng.

Vợ chàng đã làm gì để nuôi con, trong khi chàng ở tù. Tự mở cửa hàng bán bún, bán cà phê tại nhà, hai đứa con lớn phụ mẹ, qua một thời gian không sống nổi phải đổi sang nghề may. Khi Tường về, công an khu vực nói với Tường: “Cô ở nhà may đến khuya, cháu đi tuần lúc 2 giờ sáng vẫn thấy cô còn ngồi may.” Từ năm 1980, một cháu gái tốt nghiệp bác sĩ tại VN, vượt biên, đến Pháp gửi quà về trợ giúp gia đình. Ông anh vợ là Không quân di tản cùng gia đình cũng giúp đỡ. Đến năm 1985, các bạn hữu cùng khoá Võ Bị đã đi thoát, thành lập hội, chung góp nhau gửi quà cho các bạn đồng khoá còn kẹt lại Việt Nam. Các Bạn học Chu Văn An từ ngoại quốc cũng tìm cách giúp đỡ các bạn còn lại bên VN.

Trong những năm chàng ở tù, có thời gian vợ chàng lo lắng vất vả nhất là trường hợp cả ba con cùng bị sốt xuất huyết. Vợ chàng đã phải thức 11 đêm liên tục trông nom bên cạnh con. Sự chịu đựng của một phụ nữ yếu đuối đáng khâm phục biết bao!

Để phụ giúp gia đình chàng đã trải qua mọi công việc có thể. Những ngày đầu tiên chàng ngồi nhà một mình với Cún, hai bố con nhìn trời hiu quạnh, chàng xoa đầu Cún bé vào lòng, nó không rời xa chàng một bước, nó rúc đầu vào lòng chàng, hai chân quặp lấy tay chàng.... Vợ chàng ra chợ buôn bán mấy thứ lặt vặt như quần áo, thuốc tây, ba đứa con đi học. Chàng lủi thủi với Cún.

Một hôm chàng và Cún ngồi ở cửa ra vào, nhìn trời mưa bay bay theo gió thì Lê Ôn Dương, bạn học ở Chu Văn An đi xe đạp tới. Trước 1975 Dương là một công tử thứ thiệt, trong khi bạn bè còn đi xe đạp thì Dương đã lái xe hơi. Dương dựng xe đạp

và nói: “Ông bạn gần nhà tao được thả cùng với mày, nên tao biết tin mày”. Rồi Dương rút ví ra lấy 300 đưa cho chàng và nói: “Tao vừa lãnh tiền công được 600 đồng, mày cầm 300, có tiền đi xe buýt. Từ từ rồi tính. Tao chưa có việc làm nhất định. Mày giữ gìn sức khỏe. Thôi tao đi phụ việc cho người ta.” Chàng chỉ kịp nói: “Cám ơn mày”. Lê Ôn Dương là bạn học đầu tiên đến thăm chàng.

Chàng có một bà thím ở trong Đồng Ông Cộ, Gia Định, năm 1954 gia đình chàng di cư vào Nam, có ở nơi bà thím một thời gian, bà có 2 con trai và 2 con gái. Người con trai lớn là phóng viên tiền tuyến của quân đội đã tử trận khi đi công tác ngoài mặt trận. Người con gái út có chồng là Hạ sĩ quan, chỉ đi học “cải tạo” ngắn hạn, được tin Tường về đến thăm nói: “Em lên thăm anh, ở nhà buồn lắm, anh đi theo em kiếm được đồng nào hay đồng ấy. Đi ra ngoài cho đỡ buồn.”

Chú em hiện đang hành nghề bơm mực vào bút nguyên tử BIC và bơm gaz vào bật lửa gaz.

“Ừ, anh đi theo chú”

Mấy hôm vừa rồi, Tường theo ông Sáu ở trước cửa nhà, tập đạp xích lô. Ông Sáu nói: “Ông thầy theo tôi, tôi chỉ cho ông thầy, rồi tôi đạp nửa buổi, ông đạp nửa buổi”. Thế là Tường và ông Sáu vào nghĩa trang gần nhà, Tường tập đạp xe, ông Sáu ngồi trên xe. Tường lái xe sao mà đâm ngay vào gốc cây, càng xe phía trước bị gãy. Ông Sáu cười nói: “Ông làm nghề này không được rồi.” Tường đang phân vân về cái càng xe bị gãy thì ông Sáu nói: “Đừng lo, cái này tôi sửa lấy được.”

Vậy là nghề thứ nhất: đạp xích lô không thành, ngày mai bắt đầu nghề thứ hai. Tường nhìn thấy đồ nghề của chú em để trong một cái thùng nhỏ giống như một cái hộp hình chữ nhật lớn, có quai xách... Chú em nói: “Anh tìm một địa điểm gần trường học để anh em mình làm việc.”

Chàng nghĩ tới trường Cứu Thế ở Kỳ Đồng, chàng nói: “Sáng mai em đến, rồi hai anh em mình ra trường Cứu Thế gần đây.”

Chàng bắt đầu nghề thứ hai, bơm mực vào bút nguyên tử BIC và bơm gaz vào bật lửa. Hai anh em chở nhau bằng xe đạp ra chợ Trương Minh Giảng, ghé cà phê bên đường làm mỗi người một ly cà phê đen rồi đi đến trường Cứu Thế. Trước 1975 Tường là giáo sư của trường này. Hai anh em kiếm một chỗ ngồi giữa trường và nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Chú em lấy cái ghế xếp đưa cho anh ngồi còn mình kiếm hòn gạch làm ghế. Chú em bày biện đồ nghề, mấy cây bút BIC, một ống mực màu xanh, một ống mực màu đỏ, mấy cái bật lửa gaz, mấy tube đựng gaz. Học trò lớn nhỏ vây quanh, có

triển vọng đắt hàng. Không có học trò cũ của Tường vì lớp học trò mà Tường dạy đã cách đây mười năm rồi, hẳn đã ra đời kiếm ăn. Tường nhìn chú em bơm mực vào bút cho khách hàng đầu tiên, chú vừa biểu diễn vừa giải thích: “Cái khó là bơm mực làm sao cho xuống đều, không có bong bóng vì nếu có bong bóng ở đầu bút gần bi thì mực không ra được. Anh xem em làm một hai cái rồi từ từ anh làm.” Giữa lúc ấy có một Cha từ nhà thờ đi ra nhờ bơm gaz cho hai cái bật lửa. Chú em đỡ lấy rồi bắt đầu thao tác từ từ, vừa làm vừa giải nghĩa cho Tường: “Muốn bơm gaz vào bật lửa phải tháo cái nắp đây ở đầu bật lửa, rồi đến cái bánh xe, quan trọng nhất là cái “rò-so” không bị văng mất bằng cách làm từ từ, lấy ngón tay đỡ nó rồi mới dùng tube gaz bơm gaz vào cái khe nhỏ ở đầu bật lửa. Anh nhìn kỹ em làm, cũng khó chứ không phải dễ đâu. Nhưng làm rồi nó cũng quen.” Chú lại ôn tồn nói tiếp: “Ngày đầu tiên anh chú ý em làm, để em làm cho êm đẹp, câu khách. Ngày mai em sẽ để anh làm một hai cái bút và bật lửa. Hôm nay anh lấy bút và bật lửa trong thùng của em để thực tập.” Tường cố gắng từ từ thực tập trong khi chú em nhìn chàng cười khuyến khích. Cuối cùng với sự cố gắng, từ từ làm, Tường cũng bơm được một bút bi và cho gaz vào được một cái bật lửa. Làm được hai cái mà mồ hôi ra đẫm lòng bàn tay. Chàng nghĩ ngày mai thật sự làm lấy tiền không biết ra sao đây!

Ngày kế tiếp và những ngày tiếp theo, cả hai thứ Tường đều bị hỏng nhiều hơn là được. Bút bi thì có bong bóng, mực không xuống được. Bật lửa tháo ra thì “rò-so” văng mất, tìm mãi không ra, hỏng thì phải lấy của mình đền vào. Hết một tuần Tường phải cảm ơn chú em và chấm dứt, không kéo dài làm phiền chú em nữa vì không những làm mất khách mà chú còn phải bồi thường ruột bút bi và “rò-so” của cái bật lửa bị văng mất.

Tường đi kiếm việc thứ ba, việc gì đây? Vợ con đi làm, đi học, một mình Tường ngồi buồn so ở nhà, Cún thấy chủ buồn cứ chạy vòng quanh Tường thấy mà tội nghiệp. Tường cầm tờ báo hàng ngày đọc thấy chữ: “Cần người” hồi hộp xem: “Cần người rao bán mật ong, đến hãng lấy không cần đặt cọc, bán được chia hoa hồng”.

Ngày hôm sau Tường đến hãng ở bên Gia Định, ghi lý lịch, địa chỉ. Cô thư ký thấy Tường chỉ có một tờ giấy ra trại, bèn nói với Tường: “Phải có chứng minh nhân dân có hình ảnh mới được đi giao hàng vì không cần đặt tiền thế chân.” Cô ngừng lại nhìn Tường có vẻ cảm thông rồi nói: “Em ghi địa chỉ, tên tuổi của anh, em cứ giao hàng cho anh, anh cẩn thận đừng đánh vỡ.” Cô thư ký nói xong, đưa cho Tường một thùng gồm 6 chai. Tường cảm ơn và bắt đầu đi kiếm mối bán hàng.

Chàng đi đến mấy chợ, chào hỏi mấy sạp bán hàng, rồi đi vào tiệm giải khát,

tiệm ăn... đến chiều thì chàng bán được 4 chai. Chàng đạp xe về thẳng hãng gặp cô thư ký tử tế. Cô cười đưa tiền hoa hồng và nói: “Ngày đầu mà anh làm như vậy là giỏi lắm. Hẹn gặp anh ngày mai.”

Tường cũng thấy vui trong lòng, cầm chút tiền đầu tiên kể từ ngày về mà chàng làm ra. Chàng mua vài cái bánh bột lọc cho con. Chàng chợt nảy ra ý kiến, chàng rẽ vào đường Trần Quang Khải vào nhà mẹ nuôi, chàng trình bày muốn làm đại lý cho hãng mật ong. Mẹ nuôi đồng ý, sẵn có tủ kính trước kia của tiệm hình, chàng thấy quá đẹp để bày các chai mật ong. Chàng sẽ vẽ chữ, trình bày thu hút khách hàng qua đường.

Ngày hôm sau chàng hớn hờ gặp cô thư ký trình bày ý định làm đại lý cho hãng. Cô thư ký rất vui mừng nhìn chàng có vẻ khâm phục. Cô vào trình bày với ban quản lý. Mấy phút sau, cô ra nói với chàng: “Em theo anh đến cửa hàng đó để về tả lại cho ban quản trị của hãng.” Tường vui vẻ hướng dẫn cô thư ký đi đến cửa tiệm, được mẹ nuôi chàng tiếp đãi tử tế. Cô thư ký thích quá, rủ chàng quay lại hãng để xem kết quả ra sao. Ban quản trị đồng ý và giao công tác trực tiếp cho thư ký và chàng. Tiền ứng trước được tượng trưng, tiền hoa hồng hai bên đều đồng ý. Sáng mai cô thư ký sẽ đem hàng đến và phụ với chàng bày biện trong tủ kính.

Bước đầu thật tốt đẹp và Tường thấy vui vẻ, hy vọng rất nhiều.

Ngày khai trương, cô thư ký và chàng đứng chào hàng, hàng xóm và người qua lại, khách xem ciné rạp Văn Hoa trước tiệm vào xem đông vui. Có mật ong mẫu cho khách hàng thử. Số người mua nhiều không ngờ tới. Mẹ nuôi chàng cũng hớn hờ. Được biết ngày khai trương thành công. Ngày hôm sau, ban quản trị đến thăm, cửa hàng vừa lúc có khách hàng ra vào mua sắm. Mọi người đều vui vẻ. Tuần lễ đầu đông khách, tuần lễ thứ hai giảm dần đến tuần lễ thứ tư cuối tháng vắng khách, có tiếng phàn nàn là mật ong nhiều đường quá. Sang tháng thứ hai, rồi tháng thứ ba bắt đầu ế ẩm. Cả ngày không bán được một chai. Đến tháng thứ tư thì đóng tiệm. Tường lại thất nghiệp! Biết làm gì đây? Chàng tự hỏi?

Một buổi chiều, chàng đang sỏi đất quanh gốc cây hoa nhài trước nhà. Cây hoa này chàng trồng đã lâu, hoa nở về đêm, màu trắng và rất thơm, Cún luôn bên cạnh. Chàng trông cây và nhớ đến câu thơ của Tô Thùy Yên: “*Mười năm cây có nhớ người xa?*” thì Cún đến. Cún là bạn cùng khoá Võ Bị Đà Lạt với chàng: “*Tao đến có việc cho mày. Tao đang làm ở khu gần nhà tao, có hai ba mỗi gần nhà mày tao để cho mày.*”

- “Mày chưa nói việc gì”

- “Ồ nhỉ tao cứ tưởng mày biết rồi. Chở nước đá cho cửa hàng giải khát bên

đường. Nhưng tao phải đến mày sớm, để tu bỏ xe đạp của mày, phải có porte baggage chắc chắn, vì mày biết đây là một tảng nước đá lớn và nặng lắm, còn cần thêm một cái bao tải để bọc lại cho nước đá bớt chảy nước dưới trời nóng. Tao đã đem cho mày bao tải đây rồi.” Nói xong, Cẩn đưa cho Tường cái bao tải và bắt đầu tu bỏ xe đạp cho Tường, đây là nghề tử của Cẩn. Tường đi pha hai ly nước chanh cho chàng và Cẩn.

Tu bỏ xong xe đạp cho Tường, Cẩn đưa Tường đến hai tiệm giải khát để ngày mai Tường giao nước đá, một ở đường Kỳ Đồng, một ở góc Yên Đổ và Trương Minh Giảng. Sau đó Cẩn lại dẫn Tường đến hãng nước đá, mua một cây nước đá 270 đồng, đến giao cho tiệm giải khát là 320 đồng. Cẩn nói: “Mỗi cây được 50 đồng nhưng vất vả, nặng nhọc lắm mày ơi”.

Một nghề mới bắt đầu. Tường tự hỏi không biết trụ được bao lâu.

Sáng hôm sau, Tường dậy sớm, cột bao tải vào xe, rồi vào lục com nguội, làm một chén dầy, chàng xẻ một ít cho Cún, uống một hơi nước rồi ra xe đi, lúc ấy vợ chàng và thằng Út còn ngủ vì Út khóc đêm nên vợ chàng mất ngủ. Chàng đi thẳng đến hãng nước đá đưa 270 đồng, khiêng cây nước đá ra xe, lấy bao tải bọc lại cẩn thận, buộc chặt vào porte baggage. Chàng thử lắc lắc cái xe cho chắc ăn, rồi nhảy lên xe đạp đi. Chàng cảm thấy nặng, chàng nhớ câu nói của Cẩn: “Nhưng vất vả và nặng nhọc lắm mày ơi”. Đến chân cầu Trương Minh Giảng thì chàng phải xuống xe gò sức đẩy qua cầu. Qua được cầu thì chàng thở dốc, đến đầu đường Kỳ Đồng, chàng mới lên xe đạp qua trường Cứu Thế, rẽ trái tới xe bán bánh mì và giải khát. Người chủ vui vẻ phụ chàng khiêng cây nước đá xuống và đưa 320 đồng cho chàng và còn đưa cho chàng một ly siro giải khát. Tường cảm ơn và cảm thấy vui trong lòng. Chàng lại nhắm về hãng nước đá để làm chuyến thứ hai. Hai chuyến giao hàng tốt đẹp. Làm trong buổi sáng sớm để tiệm có nước đá bán cả ngày.

Chàng hớn hờ đạp xe về, qua cầu Trương Minh Giảng thì nghe thấy tiếng gọi tên chàng. Chàng nhận ra là Nguyễn Chánh Dật, bạn cùng khoá 18 Võ Bị Đà Lạt, Dật đang đạp xe xích lô. Hai người vào quán cà phê bên đường. Dật nói: “Vào đây làm ly cà phê mày, mày đi đâu đây?” Tường nói cho Dật hay công việc của mình. Dật cười: “Buổi sáng tao đạp xích lô, buổi chiều tao làm thầy. Chiều tao dạy Anh văn cho con cái của mấy gia đình có bảo lãnh đi Mỹ”. Lúc chia tay, Dật dúi vào tay chàng một ít tiền: “Cầm một chút để uống cà phê. Lúc nào rảnh tao ghé mày.”

Tường nhìn theo bạn và suy nghĩ: “Kèm Anh văn cho các gia đình có bảo lãnh hay cho các học sinh lấy Anh văn là sinh ngữ chính. là việc chàng có thể làm được. Trong tù, hàng ngày đi lao động Tường chép 2 đến 4 danh từ, tĩnh từ và động từ để học

thuộc trong một ngày, chàng chép ra từ cuốn tự điển nhỏ dấu được hoặc để dành bất cứ một mảnh giấy gói đồ nào có chữ tiếng Anh. Do đó chàng có một sổ vốn tiếng Anh. Từ ngày trở về, chàng ôn lại văn phạm để chỉ cho các con. Chàng nghĩ chàng có đủ khả năng để kèm Anh văn nếu tìm được công việc này.

Thời gian trôi qua rất nhanh, đã qua Tết được ít ngày. Sau mười năm xa cách, đây là cái Tết đầu tiên chàng có mặt ở nhà cùng vợ con. Nhờ có chút quà từ ngoại quốc gửi về nên mấy ngày Tết cũng có miếng thịt, bánh chưng và hộp mứt. Không khí vui vẻ, đầm ấm. Vợ chồng chàng cũng sắm sửa đồ cúng đem lên mẹ, mua trái cây, bánh mứt phụ với bà chị và biếu mẹ một chút tiền. Tường cảm thấy lo lắng về sức khỏe của mẹ vì chàng thấy mẹ mỗi ngày một yếu. Chàng gặp Cẩn nhờ Cẩn thế chàng một thời gian giao nước đá cho tiệm giải khát, để chàng có thời gian săn sóc mẹ. Ăn Tết xong được nửa tháng thì Tường cũng mẹ sang bệnh viện Bình Dân, tìm được bác sĩ quen trước 1975. Bác sĩ cho biết mẹ chàng bị ung thư dạ dày cần phải giải phẫu, cắt bỏ một khoảng. Giải phẫu xong mẹ chàng có vẻ khỏe. Bác sĩ cho biết nên chuẩn bị hậu sự cho cụ. Chàng cũng mẹ về, mẹ thêm ăn gì, chàng đều làm theo ý mẹ. Chàng cho các con lên thăm bà nội thường xuyên. Đầu tháng hai năm 1986, anh ruột của Tường được thả về. Mẹ chàng rất vui, các con đầy đủ, có các cháu sum họp. Ngày 12 tháng 3 năm 1986 tức là ngày 3 tháng 2 năm Bính Dần, mẹ chàng ra đi vĩnh viễn trước sự đầy đủ của con cháu. Mọi người nói cụ cố sống tới ngày con trai lớn được về rồi mới ra đi.

Trong hoàn cảnh eo hẹp về tài chánh, tất cả con cháu họ hàng xa gần đều mỗi người một tay góp vào chi phí nên tang lễ cũng trọn vẹn, tốt đẹp. Tường lo gần như hầu hết công việc từ mọi thủ tục tang lễ đến chôn cất. Ngày tang lễ, theo thủ tục “Cha đưa mẹ đón” hai anh em Tường đi giật lùi trước linh cữu một quãng đường rồi mới lên xe đến nghĩa trang ngoại ô thành phố. Tường cũng lo xây cất phần mộ cho mẹ. Tường nhớ lại bố mất năm 1954, giữa lúc mọi người đang lo lắng rời Hà Nội xuống Hải Phòng để di cư vào Nam nên đám tang của Bố rất vội vàng. Sau năm 1975, bà chị của Tường về lại miền Bắc không tìm được mộ của Bố vì nghĩa trang đã bị giải toả.

Tang lễ mẹ chàng, Tường cảm ơn rất nhiều bạn học Chu Văn An và Võ Bị Đà Lạt đã đến tiễn đưa mẹ chàng và phúng điếu giúp đỡ chàng trong lúc khó khăn. Ngoại quốc tiếp tay giúp đỡ chàng ngoài Hội Ái Hữu khoá 18 Võ Bị Đà Lạt, còn có bạn học Chu Văn An như Đỗ Phan Hạnh, Lê Tiến Phụ ở Canada, Trần Xuân Dũng ở Úc Đại Lợi. Chàng ghi nhớ và biết ơn các bạn.

Tường lại tiếp tục chở nước đá giao đến tiệm giải khát. Chàng có thêm một mối là tiệm giải khát gần cư xá trên đường Phan Đình Phùng, xa hơn hai nơi cũ, nhưng phải

cố gắng để kiếm thêm chút tiền. Càng ngày Tường càng cảm thấy công việc càng nặng nhọc, cây đá Tường cảm thấy mỗi lúc một nặng thêm. Mỗi lần để lên xe hay đem xuống xe rất khó khăn, cần người giúp đỡ.

Một sáng giao nước đá ở đường Phan Đình Phùng, Tường đuối sức làm nước đá tuột từ trên xe xuống đất vỡ làm nhiều mảnh. Bà chủ tiệm la lối om xòm, chàng không biết làm sao, còn đứng ngơ ngẩn thì nghe tiếng nói: “Mẹ không được la hét nữa” Rồi chàng nghe tiếng nói tiếp theo và một vòng tay ôm lấy chàng: “Thầy, thầy ra nông nỗi này! Em là Khánh đây. Học trò của thầy ở Tân Dân, Kiến Hoà.” Tường nắm lấy tay học trò, hai hàng nước mắt của cả hai thầy trò đang lăn trên má. Bà mẹ của Khánh đứng lặng nhìn hai người ....

“Thầy ơi, thầy đi về đi, thầy vẫn ở chỗ cũ phải không?” Tường gật đầu. Khánh lấy tiền từ tay mẹ bỏ vào túi của Tường và dắt xe đạp đưa cho Tường.

Tường đạp xe về, mà bồi hồi xúc cảm, không nói nên lời. Chàng suy nghĩ không biết ngày mai có nên giao nước đá ở mối này nữa không? Chàng suy nghĩ cho tới khi về đến nhà. Cún chạy ra mừng rỡ chàng mới hết bàng hoàng, ngơ ngác. Vợ chàng thấy chồng còn ốm yếu mà làm việc nặng nhọc quá, so với sức chàng, vợ chàng nói: “Việc nặng nhọc quá sức của anh, anh nói với anh Cẩn, anh nghỉ đi. Trời sinh voi, trời sinh cỏ, từ từ rồi tính.”

Chàng tìm gặp Cẩn, nói ý định ấy. Cẩn nói: “Tao bảo mày ngay từ đầu, vất vả và nặng nhọc lắm. Tao cũng tính nghỉ đây, đi làm thợ mộc cho thằng Ánh. Hồi trong tù, tao có làm thợ mộc một thời gian.” Hai thằng nói chuyện một lúc lâu, Tường ra về, vừa đi vừa tự hỏi, làm gì đây, quà của các bạn gửi về giúp đỡ cho gia đình chàng rất nhiều nhưng không phải là liên tục, không thể coi là thu nhập chính, chỉ có thể coi như những bông hoa thêm vào bình hoa mà thôi. Thu nhập chính vẫn phải là do sức của chính mình, Tường vẫn nghĩ vậy và chàng cố gắng tìm cách này, cách khác để kiếm tiền. Lúc này đây Tường mới thông cảm và nể phục vợ chàng suốt mười năm trời tàn tảo, bươn chải nuôi con.

Một tuần lễ trôi qua, một buổi chiều, Khánh dẫn bạn, ba nam và ba nữ, học trò cũ của Tường đến thăm. Tường mừng rỡ và cảm động. Khánh nói: “Em còn đang liên lạc với các anh chị ở xa, sẽ đến thăm thầy sau. Tụi em có ít quà biếu thầy”

Tường nhìn thấy bạch gạo, thùng mì ăn liền, mấy gói đậu hạt và một gói báo để trên bàn. Tường biết gói báo đó là tiền của các em gom góp lại, nên Tường nói ngay: “Tất cả những thực phẩm thì thầy nhận và cảm ơn các em. Riêng tiền thì cho thầy từ



chối. Chân tay thầy còn đầy đủ, thầy có thể bươn chải sinh nhai được, các em cho thầy gửi lại tiền.” Các em năn nỉ sao Tường cũng nhất định từ chối. Cuối cùng các em có một đề nghị: “Hơn mười năm trước thầy dạy tụi em, nay các con của tụi em đã trên 10 tuổi, đang lo thi vào lớp mười. Tụi em đề nghị thầy dạy kèm cho tụi con em.” Tường nghe nói như vậy, rất vui mừng, không ngờ có cơ hội trở lại nghề dạy học. Tường nhận lời và bàn bạc với các em định ngày mở lớp.

Tường nhờ Căn đóng mấy cái bàn học dã chiến, tính sao kê gọn trong phòng khách, mua mấy miếng gỗ ép sơn màu xanh đậm để làm bảng, sửa soạn mọi thứ trong vòng một tuần lễ.

Đến ngày khai giảng, học trò của Tường dẫn các con tới. Tổng cộng mười đứa cả trai lẫn gái, đứa nào trông cũng khôi ngô, dễ thương. Tường để Út ngồi học chung với các bạn. Tường thấy trong lòng hớn hở, vui vẻ vô cùng. Ngày đầu tiên chàng lấy sổ, ghi tên các em, tên bố mẹ và địa chỉ. Cho biết thời gian học, mấy tiếng một ngày. Kỷ luật trong lớp, bài làm, bài học như thế nào từ 8 giờ đến 12 giờ. Cha mẹ các em cũng ngồi nghe và cho ý kiến.

Ngày hôm sau, chính thức việc học. Chàng nghĩ phải thành công trong bước đầu, kèm sao cho mười đứa thi lớp 10 phải đậu cả 10 thì mới có đà dạy các môn khác. Chàng sung sướng không ngờ lại trở về được nghề dạy học. Chàng thầm cảm ơn các học trò của chàng.

Ngoài hai môn toán Hình học và Đại số, Tường dạy thêm Anh văn, cần đặt nặng vấn đề vào văn phạm và cách đặt câu. Út có bạn mới nên rất vui vẻ.

Tường mua tất cả các sách văn phạm Anh văn bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt về nghiên cứu, viết thành bài học giản dị, dễ hiểu, từ dễ đến khó. Tường rút kinh nghiệm Tường đã học qua, khi học Anh văn tại trường Sinh ngữ Quân đội để thi tuyển du học với các đồng minh.

Tường soạn những bài thi theo kiểu trắc nghiệm:

1. Đúng, sai
2. Chọn lựa a,b,c,d
3. Điền vào chỗ trống
4. Viết 10 dòng, 20 dòng
5. Viết có chủ đề

Một buổi chiều, Tường đang ngồi chấm bài tập toán của học trò thì có người ghé nhà cho chàng biết có thư của Nguyệt, đến nhà em họ Nguyệt lấy thư.

Ottawa ngày 15 tháng 12 năm 1986

*Anh yêu mến. Tình yêu của em, Cuộc đời của em.*

*Đêm nay ngồi đây cô đơn trong phòng này, ngoài kia trời Canada đang mùa đông giá lạnh, nhưng lòng em còn lạnh hơn mùa đông. Em viết cho anh lá thư này, Lá thư tình yêu thứ nhất trong đời em và cũng là lá thư cuối cùng. Anh là người tình, là tình yêu đầu đời và cũng là cuối cùng. Định mệnh đã an bài để em gặp anh và anh ơi, em đã giang tay ôm lấy, đã say mê trong cô đơn đau đớn mà không hề hối tiếc, em yêu anh đậm ấm thiết tha. Tình yêu của Em. Ngày mai Em phải theo chồng, sẽ xa anh mãi mãi, nghìn trùng cách trở. Đừng nhìn nhau nữa anh ơi, em sắp đi rồi, em sẽ đi đây anh yêu dấu. Chồng em sang đón em. Mẹ con em sẽ theo chồng về Đài Loan. Một người chồng tốt của mẹ con em. Anh yên lòng và không còn nói “Tội nghiệp em tôi”. Khi ở Việt Nam, em không đi vì còn săn sóc bố mẹ. Nay bố em đã mất, mẹ có vợ chồng Nam, chồng em sang đón và mẹ con em sẽ đi. Ngày mai sẽ rời Canada.*

*Em còn nhớ, ông nội em khi còn sống, sáng nào cũng uống trà, ông em ở trên gác và tự đun lấy nước sôi để pha trà trong một cái ấm nhỏ màu gan gà. Một hôm ông vô ý tuột tay vỡ nát, ông thần thờ, một lúc sau cầm cái vung của ấm trà ném mạnh xuống cầu thang cho vỡ theo cái ấm. Em ở dưới nhà, nghe tiếng ấm vỡ, chạy vội đến chân cầu thang và lượm được cái vung còn nguyên đem đến cho ông em. Anh ơi, em như cái bình đã vỡ theo định mệnh. Anh như cái vung, về lại với chị, một chiếc bình còn nguyên. Nay bình vỡ trôi dạt trên biển đã có bến bờ, anh cũng yên lòng, và chúc phúc cho Em, anh đã mừng cho Em.*

*Ngày đầu tiên em gặp anh trong sân trường Luật khoa, đường Duy Tân. Em mặc áo đầm màu xanh, đang đứng xem bảng yết thị tin tức của trường thì nghe tiếng như reo vui: “Đẹp quá.” Em quay lại nhìn thấy anh, miệng anh cười và ánh mắt nhìn em như nhìn một người em gái, thân mật như đã quen lâu rồi. Em khẽ đáp “Cám ơn anh.” Giản dị có thể thôi; vậy mà giây phút ấy là một định mệnh đối với em và mỗi lần đến trường Luật là em có ý tìm anh, rồi gặp lại anh, rồi nói chuyện với anh, rồi nhớ anh, rồi yêu anh. Suốt thời gian mới gặp nhau, anh cho biết có gia đình, nói chuyện với em rất hồn nhiên như nói với em gái, giọng nói ấm áp, mắt nhìn bao dung, không một lời tán tỉnh. Trái lại có vẻ tránh né những lúc có không khí thân mật vì lúc nào anh cũng tỏ ra có gia đình rồi. Vậy mà tại sao em lại yêu anh. Tình yêu không thể giải thích được. Thôi thì chấp nhận để được nhớ nhung, để được mừng rỡ, để được sung sướng mỗi khi gặp nhau và cũng biết rằng sẽ đau đớn, sẽ khắc khoải, sẽ cô đơn, sẽ có đầy nước mắt, nhưng em tự nguyện, em chấp nhận để em yêu anh, một đời yêu anh.*

*Từ dòng chữ đầu tiên đến giờ em phải ngưng lại bao lần để lau nước mắt, em sung sướng được thoải lòng mong muốn được khóc, khóc thật nhiều như lúc này đang viết thư cho anh.*

*Em ngồi đây đang rung động theo từng hình ảnh kỷ niệm đang rõ ràng trong tâm hồn em. Từ ngày gặp anh, yêu anh cho tới ngày cuối cùng em được thật sự bên anh vồn vện hơn một năm trời, Ngày oan trái 30 tháng 4 ập tới. Một năm trời với biết bao nhiêu kỷ niệm, từ sân trường, từ công viên, từ góc phố, từ Thủ Đức đến Lái Thiêu. Từ quán kem đến xe mì, từ bánh mì Bưu Điện đến chè ba màu, từ phở 79 đến nước mía Viễn Đông. Ôi! Hai đứa mình đã để lại hình bóng ở biết bao nhiêu nơi chốn, để đến giờ này ngồi đây một mình, em nhớ anh vô cùng.*

*Em nhớ ngày cuối cùng em được ở bên anh, anh nâng niu, dịu dàng, dằm thắm, nhẹ nhàng đầy sự yêu thương, em nhớ mãi những nụ hôn ấy, nhớ mãi vòng tay êm ái và nhớ mãi đôi mắt ân tình anh ngắm nghía thân thể em như một chiêm ngưỡng thiêng liêng. Em nhớ nụ hôn anh trên vết son ở ngực em khi em hỏi: “Anh thấy vết son có lạ không?” Câu trả lời của anh như một lời thơ mà bây giờ và mãi mãi em luôn nhớ: “Đó là chiếc lá vàng đỏ rơi trên đồi một buổi sáng mùa xuân.” Ôi! Em nhớ anh quá, anh ơi. Anh là tình yêu của em, là cuộc đời của em, là dĩ vãng thần tiên của Em.*

*Được tin anh về Nam, mẹ lên thăm anh thay em. Rồi cô em họ ở Sài Gòn cho em biết tin anh được thả ra, trông anh ốm yếu, gầy mòn, tim em đau nhói, lòng em thất lại. Anh về tới nay đã hơn nửa năm. Em biết anh rất vất vả với hoàn cảnh hiện tại. Em mong anh giữ sức khoẻ. Chúng mình không còn gặp nhau nữa. Em nhớ khi còn trong quân ngũ anh đã đến Đài Loan và mua một áo đầm làm quà cho em. Bây giờ đây, em sẽ đến Đài Loan, đến những nơi anh đã đi qua để tìm dấu vết của anh. Xin hãy chúc phúc cho cả hai đứa mình và giờ này em phải được nói: “Tội nghiệp anh, Tội nghiệp anh của em, Em yêu anh, một đời yêu anh”.*

Từ lúc người em họ của Nguyệt trao lá thư cho chàng, khi chàng ghé qua nhà. Chàng đã đọc lá thư đó biết bao nhiêu lần trên ghé đá công viên vườn Tao Đàn, nơi hai đứa thường ngồi nhìn là rặng mùa thu. Chàng đọc từng chữ, từng chữ, tưởng tượng ngón tay Nguyệt đang viết trên mặt giấy và nước mắt nàng làm nhòe dòng chữ.

Ôi! Sao anh nhớ em vô cùng. Từ công viên Tao Đàn, chàng đi theo đường Nguyễn Du, tới nhà thờ Đức Bà, nơi đây chàng thường hẹn gặp Nguyệt trước cửa Bưu Điện, chàng đứng ngơ ngẩn nhìn đồng hồ trên nóc cao ốc Bưu điện mà nghĩ, mà tưởng tượng lúc này Nguyệt đang làm gì? Chàng chậm chậm đi về phía công viên Con Rùa.

Phố xá đìu hiu, thưa thớt người qua lại. Dinh Độc Lập của nền Cộng Hoà nay có “cờ máu” trên nóc. Chàng đi tới công viên Con Rùa, tìm một chỗ ngồi, lại lấy thư ra đọc. Chàng nghĩ đến vết son trên ngực Nguyệt, giờ đây như một đốm lửa sưởi ấm tâm hồn cô quanh của chàng. Chàng nhớ Nguyệt chạy vòng vèo bên cạnh mặt hồ, gió thổi tóc nàng bay theo gió. Chàng đọc thư rồi bỗng nhiên chàng khóc. Bao nhiêu vất vả khổ nhục 10 năm tù đầy, chàng chịu đựng, không khóc, không oán hận. Nhưng giờ đây, ngồi một mình chàng đã khóc, khóc cho em, khóc cho anh, khóc cho đất nước điêu linh. Chàng gấp thư lại và đi về phía trường Luật, nhớ những buổi cùng Nguyệt uống một ly chanh đường bên hè trước trường. Chàng chở Nguyệt trên Vespa đi chơi Thủ Đức, gặp mưa lớn, phải tá túc bên đường chờ mưa tạnh. Đến khi về lại trường thì quá muộn, chỗ gửi xe không còn một chiếc, trường không còn một bóng người. Xe gắn máy của Nguyệt không còn nữa. Cả hai đứ đờ cùng hoảng hốt. Tường đi ra phía sau trường, mới biết nhà của bác giữ xe ở phía sau trường, hết giờ bác khiêng xe về để trong nhà bác. Tường sung sướng quá, mở khoá xe cho Nguyệt, trong túi còn bao nhiêu tiền đưa biểu bác hết.

Nhà Nguyệt hai tầng bên ngõ lớn. Phía đối diện là một nhà lầu đang xây, có cầu thang bên hông. Đứng ở cầu thang là trông thấy phòng của Nguyệt qua cửa kính. Có những lần Tường nhớ Nguyệt quá, đứng bên này cầu thang bọc viên đá nhỏ bằng giấy ném khế lên cửa sổ thế là Nguyệt chạy xuống với chàng... Bây giờ trùng dương xa cách. Không còn cửa sổ nào để chàng nhìn thấy Nguyệt nữa. Em đã đi rồi, em đã đi thật rồi, để lại trong anh một nỗi nhớ khôn nguôi, một tình yêu chất ngất xao xuyên một đời người.

Việc dạy học tiến triển tốt đẹp, chàng cũng thấy yên tâm và mong kỳ thi tuyển vào lớp 10 các học trò của chàng sẽ trúng tuyển. Như mong muốn của chàng, tất cả học sinh đều trúng tuyển vào lớp 10. Bố mẹ học trò đều vui mừng, đến cảm ơn chàng và đề nghị cho chúng tiếp tục học thêm với chàng.

Cùng lúc lớp Anh văn cũng có nhiều học sinh. Chàng chuyên dạy văn phạm từ sơ đẳng cho tới cấp cao. Những bài thi Anh văn từ trong trường đến các lớp thi tuyển đều chú trọng đến văn phạm. Chàng tổng hợp các sách văn phạm của nhiều tác giả rồi soạn ra các bài văn phạm rất đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ nên các học sinh rất thích. Một hôm có bà Giám đốc ở cơ quan chuyên chính ngừa cho những người đi xuất ngoại, nhất là đi Mỹ và các nước phương Tây, đến yêu cầu chàng chỉ dẫn cho các bác sĩ cộng sản văn phạm để thi chứng chỉ B1 Anh văn, có chứng chỉ này mới có thể xuống tàu, các

tàu ngoại quốc đang ghé hải cảng Việt Nam, để khám xét vệ sinh. Chàng đến đây khoảng 10 bác sĩ ở trên lầu cơ quan. Thực chất những bác sĩ này từ các mật khu về thành phố, chuyên môn của họ chỉ bằng y tá của chế độ VNCH. Họ đối xử rất lễ phép đàng hoàng. Khi có tình thân rồi họ nói: “Thầy đừng nghĩ các em là Việt cộng. Nếu năm 54, các em di cư vào Nam thì giờ đây các em cũng là công chức hay quân nhân của chế độ Saigon”.

Giao tiếp giữa thầy trò rất vui vẻ, cuối tuần có khi đi ăn uống với nhau. Họ xuống khám xét vệ sinh các tàu ngoại quốc đậu ở bến cảng Saigon, được biếu rượu ngoại quốc rồi đều biếu thầy một hai chai. Tình thân rất quý trọng nhau không phân biệt Quốc Cộng.

Phần lớn thu nhập được từ những lớp dạy Toán, Anh văn ở nhà và cơ quan dùng để trang trải chi tiêu trong gia đình.

Cuối năm 1990, chương trình HO đã có người được đi. Chàng và người bạn cùng khóa 18 Đà Lạt nộp đơn ở đường Nguyễn Du. Trong khi chờ đợi kết quả chàng vẫn tiếp tục dạy học tại nhà vì vẫn có học sinh. Công an khu vực gặp chàng vui vẻ: “Chú dạy học ở nhà còn tốt hơn cho cháu, vì không phải theo dõi hoạt động của chú.”

Người bạn chàng cùng nộp đơn với chàng được gọi phỏng vấn, đã sang Hoa Kỳ rồi đi làm, gửi thư về cho chàng mà chàng thì chẳng có tin tức gì từ ngày nộp đơn. Chàng lên văn phòng tại đường Nguyễn Du hỏi. Người phụ trách tìm đơn của chàng mới thấy đơn bị rơi vào góc sàn, rồi nói: “May mà chú đến hỏi, tìm ra đơn, nếu không thì biết đến bao giờ mới được cứu xét.

Một số người muốn nhanh chóng, có tiền thì ra Hanoi xin giấy hộ chiếu (passport) còn chàng không có tiền nên cứ để tới đâu hay tới đó. Đầu năm 1992 chàng được gọi phỏng vấn. Những người đi trước chỉ dẫn chi tiết khi vào phỏng vấn, nào là ăn mặc chỉnh tề, chỉ ngồi khi được mời, nói tiếng Việt. Vợ con chỉ vào phòng khi được mời. Đến lượt chàng, người Mỹ phỏng vấn chỉ hỏi chàng những câu giản dị như cấp bậc, nơi làm việc, du học ở đâu vào năm nào. Sau đó người phỏng vấn kết thúc: “Chào mừng ông và gia đình đến Hoa Kỳ”. Chàng hỏi: “Vợ con chàng đang đợi ở ngoài có cần vào để được phỏng vấn không?” Câu trả lời là không cần thiết, một mình ông là đủ rồi.

Chàng ra khỏi phòng sau lời cảm ơn và cho gia đình biết cuộc phỏng vấn đã xong và tốt đẹp. Mọi người thở phào nhẹ nhõm.

Thủ tục tiếp theo là khám sức khỏe, hệ thống này lúc bấy giờ do các bác sĩ miền

Bắc vào Nam làm việc. Để dễ dàng trốn lọt cũng phải mất một số tiền và tiếp đến là thủ tục mua vé máy bay.

Trước khi đi, có chú Long làm với USCC, nơi nhà thờ phụ trách công việc giúp người tỵ nạn ở Portland về Saigon chơi. Chú đến nhà cho biết: “Em thấy tên gia đình anh đến tiểu bang Oregon, thành phố Portland, nơi nhà thờ em đang làm việc. Em tới cho anh hay, anh yên tâm. Sang đến nơi sẽ có người ra phi trường đón tiếp. Cơ quan em sẽ lo cho gia đình mọi việc, từ chỗ ở đến giấy tờ và trợ cấp...” Mọi người trong gia đình đều yên lòng khi nghe được như vậy, bởi vì người bạn đi trước đã liên lạc với cơ quan mà chú Long đang làm việc để nộp đơn xin cơ quan bảo lãnh cho gia đình chàng.

Sáng ngày 15 tháng 4 năm 1993, gia đình chàng rời Saigon, mọi người ra tiễn kẻ cả mấy bác sĩ, học trò của chàng, đem theo một bộ sơn mài gồm 4 miếng làm quà.

Gia đình chàng tới Mỹ cũng vào ngày 15 tháng 4, vì Việt Nam đi trước giờ Mỹ một ngày. Ngày 15 tháng 4 cũng là ngày sinh nhật của Út, con chàng, cho nên trên máy bay xuyên qua đại dương các cô tiếp viên xinh đẹp đã hát “Happy Birthday” chúc mừng sinh nhật cho Út.

Mọi người hơn hờ vui mừng đón chờ những ngày sống trên đất Tự Do.

*Phạm Trọng Sách, Portland  
Viết xong ngày 2 tháng 4 năm 2021*